TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 45

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 41,7 ……. 41,8

A. > **B.** < **C.** =

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 120,372 đến hàng phần trăm ta được:

A. 120,38 **B.** 120,372 **C.** 120,39 **D.** 120,37

Câu 3. *(0,5 điểm)* Hỗn số 5 7/9 viết thành phân số là:

A. 52/45 **B.** 52/9 **C.** 12/9 **D.** 44/9

Câu 4. *(0,5 điểm)* Trong số thập phân 71,597, chữ số 5 thuộc hàng nào?

A. hàng phần trăm **B.** hàng đơn vị

C. hàng phần nghìn **D.** hàng phần mười

Câu 5. *(0,5 điểm)* 92,7 × 100 = …….

A. 9,27 **B.** 9270 **C.** 0,927 **D.** 927

Câu 6. *(0,5 điểm)* 8 kg 227 g = ……. kg

A. 8,0227 **B.** 8,227 **C.** 80,227 **D.** 9,227

Câu 7. *(0,5 điểm)* Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 600 m, chiều rộng 300 m. Diện tích khu đất là:

A. 180 ha **B.** 18 ha **C.** 1800 ha **D.** 180 000 ha

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thang có đáy lớn 26 cm, đáy bé 7 cm, chiều cao 14 cm. Diện tích hình thang là:

A. 47 cm² **B.** 1274 cm² **C.** 231 cm² **D.** 462 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 9,87 ……. 9,97

b) 1,7 ……. 1,70

c) 5 tấn 5 kg ……. 5,005 tấn

d) 3 ha ……. 3000 m²

Câu 10. *(1 điểm)* Cho các số thập phân: 31,252; 31,7; 31,6; 31,003; 31,795.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) $2,5 \times 12,23 \times 4$ = ……

b) $10,97 \times 5,4 + 10,97 \times 4,6$ = ……

c) $34,9 + 33,5 + 2,1 + 1,5$ = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 m 9 cm = …… m

b) 6 kg 94 g = …… kg

c) 4 ha = …… m^2

d) 4000 m^2 = …… ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 2 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 2 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 8 dm: …… dm

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 41,4 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 3,8 kg, ngày thứ ba bán được 17,36 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Cả ba ngày bán được: …… kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 45

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	B	D	B	B	B	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 9,87 < 9,97

b) 1,7 = 1,70

c) 5 tấn 5 kg = 5,005 tấn

d) 3 ha > 3000 m²

Câu 10.

Xếp từ bé đến lớn: 31,003 < 31,252 < 31,6 < 31,7 < 31,795

a) 31,003

b) 31,795

c) 31,6

d) 31,795 + 31,003 = 62,798

Câu 11.

a) (2,5 × 4) × 12,23 = 10 × 12,23 = 122,3

b) 10,97 × (5,4 + 4,6) = 10,97 × 10 = 109,7

c) (34,9 + 2,1) + (33,5 + 1,5) = 37 + 35 = 72

Câu 12.

a) 4,09

b) 6,094

c) 40 000

d) 0,4

Câu 13.

a) 2 × 2 × 3,14 = 12,56

b) 2 × 2 × 3,14 = 12,56

c) 8 × 3,14 = 25,12

Câu 14.

Ngày thứ hai: 41,4 − 3,8 = 37,6 (kg)

Cả ba ngày: 41,4 + 37,6 + 17,36 = 96,36 (kg)

Trung bình: 96,36 : 3 = 32,12 (kg)